

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS -ST
Ngày: 06/02/2026
V/v: “T/c về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST -DS ngày 21/3/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-DS ngày 30/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (Viết tắt VIB); Trụ sở: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S- số A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hoàng H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Hà Hoàng H: Bà Trịnh Minh T, bà Đinh Thị Hồng G, ông Trần Nguyễn Anh N - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Bà Bùi Thị O, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Phố T, xã N, tỉnh Ninh Bình

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Công ty cổ phần T1; Địa chỉ: thửa đất số C, Khu công nghiệp P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung K-TGD

Tại phiên Toà: có mặt bà Đinh Thị Hồng G; vắng mặt không có lý do ông M, bà O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1)- PGD Cầu giấy cho bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 3393663(1).22 ngày 27/04/2022 với nội dung:

- Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022
- Số tiền vay: 456.000.000 đồng
- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS; BKS: 35A-287.60;
- Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 28/04/2022 đến ngày 27/04/2030;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.6%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/ một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời Điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm
- Hoàn trả khoản vay gốc: Trả vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 25/5/2022 mỗi kỳ trả gốc 4.750.000 đồng. Số còn lại trả vào cuối kỳ.
- Ngày trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng;
- Trả phí: Theo quy định của V1 từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O. Tài sản này được thế chấp theo Hợp Đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 2211305.22 ngày 27/04/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

II. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết, V1 đã thực hiện giải ngân cho bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M đúng theo thỏa thuận tại HĐTD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/08/2023.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, V1 đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M không thực hiện được. Số tiền bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M thanh toán được cho VIB tổng là 128.419.743 đồng, trong đó: (nợ gốc là: 71.520.086 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.628.951, nợ lãi quá hạn là: 270.706 đồng).

Dư nợ của bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M tạm tính đến ngày 24/12/2024 là: 501.467.622 đồng (*Bằng chữ: năm trăm linh một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: (Nợ gốc: 384.479.914 đồng, N1 lãi trong hạn: 28.093.453 đồng, N1 lãi quá hạn: 88.894.255 đồng).

III. Yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ những nội dung trình bày trên và căn cứ quy định của pháp luật, V1 kính đề nghị Toà án nhân dân huyện Nho quan, tỉnh Ninh Bình (nay tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình) thụ lý vụ án và xem xét giải quyết yêu cầu như sau:

1. Buộc bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M phải trả ngay cho V1 toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 24/12/2024 là: 501.467.622 đồng (*Bằng chữ: năm trăm linh một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: (Nợ gốc: 384.479.914 đồng, N1 lãi trong hạn: 28.093.453 đồng, N1 lãi quá hạn: 88.894.255 đồng).

2. Buộc bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M tiếp tục trả cho VIB các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian kể từ ngày 25/12/2024 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. VIB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ nếu bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Yêu cầu khởi kiện và phiên tiếp cận: Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh V1 khởi kiện ông Nguyễn Duy M và chị Bùi Thị O ra Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình. Kính đề nghị Quý Toà xem xét giải quyết:

1. Buộc Anh Nguyễn Duy M, chị Bùi Thị O trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền còn chưa thanh toán theo quy định tại HĐTD ngày 27/4/2022, tạm tính đến ngày 12/01/2026 tổng số tiền 598.468.048 đồng như sau:

- Nợ gốc là: 384.479.914 đồng,
- Nợ lãi là: 28.093.453 đồng,
- Nợ lãi quá hạn là: 185.894.681 đồng;

Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả, phí chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2022 kể từ ngày 13/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng (HĐTD), và hợp đồng thế chấp (HĐTC).

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được tự mình và/hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông M và bà O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình:

1. Buộc Anh Nguyễn Duy M, chị Bùi Thị O trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền còn chưa thanh toán theo quy định tại HĐTD ngày 27/4/2022, tạm tính đến ngày 06/02/2026 tổng số tiền 604.783.180 đồng như sau:

- Nợ gốc là: 384.479.914 đồng,
- Nợ lãi là: 28.093.453 đồng,
- Nợ lãi quá hạn là: 192.209.813 đồng;

Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả, phí chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2022 kể từ ngày 07/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng (HĐTD), và hợp đồng thế chấp (HĐTC).

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được tự mình và/hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung:

RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O

6. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông M và bà O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O trình bày:
Ngày 27/4/2022, ông M và bà O ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q,

- Số tiền vay: 456.000.000đ

- Mục đích vay: mua ô tô

- Thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

Ông Nguyễn Duy M và Bà Bùi Thị O đã trả được tổng số tiền là 128.419.743 đồng, trong đó: (nợ gốc là: 71.520.086 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.628.951, nợ lãi quá hạn là: 270.706 đồng).

Tài sản thế chấp để vay vốn là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O. Tài sản này được thế chấp theo Hợp Đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 2211305.22 ngày 27/04/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình sử dụng chiếc xe trên xảy ra tai nạn nên bà O và ông M đã cho chiếc xe oto đi sửa chữa tại công ty T1 để sửa chữa và đến nay do chưa có tiền và chưa giải quyết được bảo hiểm nên bà O và ông M vẫn chưa lấy được xe. Chiếc xe trên hiện nay đang do công ty cổ phần T1 đang quản lý.

Do việc kinh doanh gặp khó khăn, ông M, bà O chưa thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Q, nay Ngân hàng VIB khởi kiện yêu cầu ông M, bà O trả nợ, quan điểm của ông M như sau: ông M xác nhận khoản tiền nợ gốc, lãi còn nợ Ngân hàng TMCP Q như yêu cầu khởi kiện: tổng số tiền tính đến hết ngày 24/12/2024 là: 501.467.622 đồng (*Bằng chữ: năm trăm linh một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: (Nợ gốc: 384.479.914 đồng, N1 lãi trong hạn: 28.093.453 đồng, N1 lãi quá hạn: 88.894.255 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo Hợp đồng tín dụng sau ngày 24/12/2024).

Hiện nay, do làm ăn thua lỗ và gặp nhiều khó khăn nên ông M chưa có điều kiện để thực hiện ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, ông M đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để thỏa thuận cho ông trả nợ dần và Ngân hàng hỗ trợ về lãi suất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty cổ phần T1 trình bày:

Hiện nay công ty đang giữ chiếc Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên Bùi Thị O do chị Bùi Thị O mang đến sửa chữa. Sau khi sửa chữa thì chị O chưa thanh toán số tiền công ty đã sửa chữa chiếc xe trên và Công ty đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng vẫn chưa được thanh toán. Trong nội dung văn bản công ty có yêu cầu tòa án khi giải quyết tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và vợ chồng bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M thì quyền lợi chính đáng của công ty là không thay đổi.

Ngày 02/12/2025 sau khi có Công văn của Tòa án nhân dân khu vực 3-Ninh Bình yêu cầu trình bày rõ ràng nội dung của việc sửa chữa. Công ty cổ phần T1 có trình bày: chiếc xe oto VIOS G của chị O đã được sửa chữa tại công ty. Hiện tại, chiếc xe này đang được lưu kho tại công ty do bà O chưa thanh toán số tiền sửa chữa và công ty sẽ bàn giao xe khi thanh toán toàn bộ chi phí sửa chữa xe và có văn bản phán quyết của cơ quan chức năng đủ thẩm quyền về việc xử lý tài sản. Hiện tại Công ty T1 không có ý kiến gì về vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng V1 và chị Bùi Thị O, ông Nguyễn Duy M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 5, Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 116, 117, 119, 292, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 385, 386, 398, 401, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1).
2. Buộc bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M phải trả toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 06/02/2026 đối với Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022 tổng dư nợ là 604.783.180 đồng, trong đó nợ gốc là 384.479.914 đồng, nợ lãi là 28.093.453 đồng, nợ lãi quá hạn là 192.209.813 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi

quá hạn kể từ ngày 07/02/2026 cho đến khi bà O và ông M trả hết toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng đó là 01 ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, BKS 35A-287.60, loại xe 05 chỗ, số khung RL4B23F38N5123983, số máy 2NRX828232 màu sơn đỏ. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 35 011645 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 26/4/2022 mang tên Bùi Thị O.

- Nếu số tiền từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì bà Bùi Thị O và ông Nguyễn Duy M còn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà O và ông M phải nộp số tiền 28.191.327 đồng. Trả lại cho Ngân hàng V2 số tiền 12.029.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 30/01/2026, đại diện Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V1) có mặt; ông Nguyễn Duy M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Tại phiên tòa ngày 06/02/2026, đại diện Ngân hàng TMCP Q có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O. Trong vụ án này, ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O có nơi cư trú tại thị trấn N, huyện N tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc thẩm quyền giải

quyết Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình)

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn: VIB yêu cầu

Buộc ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/02/2026 đối với Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022 tổng dự nợ là 604.783.180 đồng, trong đó nợ gốc là 384.479.914 đồng, nợ lãi là 28.093.453 đồng, nợ lãi quá hạn là 192.209.813 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022 được ký kết giữa ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O và đại diện của V1 là hợp đồng được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, V1 đã giải ngân số tiền vay và ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O đã ký giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M, bà O vi phạm, V1 đã đôn đốc và có văn bản làm việc với ông M, bà O. Ông M, bà O đã xin khất nợ, thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Trong quá trình vay, ông M, bà O mới thanh toán trả cho V1 tổng số tiền 128.419.743 đồng, trong đó: (nợ gốc là: 71.520.086 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.628.951, nợ lãi quá hạn là: 270.706 đồng) theo hợp đồng tín dụng. Do vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, V1 đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện cho ông M, bà O thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng ông M, bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, ông M, bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của luật Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của Ngân hàng TMCP Q.

[2.2] Về nợ gốc; lãi và phí thẻ phải trả:

- Về nợ gốc: Sau khi Hợp đồng tín dụng được ký kết thì bị đơn ông M, bà O đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết 27/4/2022. Vì vậy việc ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 384.479.914 đồng, là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng do các bên đã thỏa thuận, Hội đồng

xét xử xét thấy kể từ ngày ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng như đã ký kết.

Cụ thể: tại hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9,6%/ Năm và lãi suất này ưu đãi trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5 %/ năm; 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy, số tiền lãi bị đơn ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2022 (tạm tính đến ngày 06/02/2026) nợ lãi là 28.093.453 đồng, nợ lãi quá hạn là 192.209.813 đồng.

Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bị đơn ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O còn phải trả tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng như các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/02/2026 đến khi trả hết nợ theo mức lãi mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của V1 đối với ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 2211305.22 ngày 27/04/2022 là xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O

Hợp đồng thế chấp nêu trên là để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, VIB giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô còn xe ô tô do ông M và bà O quản lý, sử dụng. Thỏa thuận thế chấp chiếc xe ô tô đảm bảo đúng quy định tại các Điều 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm định và xác định chiếc xe ô tô trên hiện nay đang được công ty cổ phần T1 đang quản lý lưu kho tại công ty do chị Bùi Thị O mang đến sửa chữa. Sau khi sửa chữa thì chị O chưa thanh toán số tiền công ty đã sửa chữa chiếc xe trên và Công ty đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng vẫn chưa được thanh toán và công ty sẽ bàn giao xe khi thanh toán toàn bộ chi phí sửa chữa xe và có văn bản phán quyết của cơ quan chức năng đủ thẩm quyền về việc xử lý tài sản. Hiện tại Công ty T1 không có ý kiến gì về vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng V1 và chị Bùi Thị O, ông Nguyễn Duy M. Quá trình giải quyết Công ty

cổ phần T1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này theo quy định của pháp luật công ty cổ phần T1 có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để đảm bảo quyền lợi của cho công ty khi xét thấy bị xâm phạm.

Như đã phân tích trên, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó, khi ông M và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VIB có quyền tự xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299 và 303 của Bộ luật dân sự và theo quy định tại Điều 6,7,9 Hợp đồng thế chấp. VIB tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải chịu số tiền án phí là 28.191.327 đồng (làm tròn 28.191.000 đồng).

VIB được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí V1 đã nộp được trả lại cho V1.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 280, 292, 293, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 327, 351; 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8; Điều 10, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V1) đối với ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O.

+ Buộc ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/02/2026 đối với Hợp đồng tín dụng số 3393663.22 ngày 27/04/2022 tổng dự nợ là 604.783.180 đồng, trong đó nợ gốc là 384.479.914 đồng, nợ lãi là 28.093.453 đồng, nợ lãi quá hạn là 192.209.813 đồng.

2. Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 07/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O không trả hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; số loại VIOS G, loại xe: 5 chỗ; số khung: RL4B23F38N5123983, số máy: 2NRX828232; màu sơn: Đỏ; biển số: 35A-287.60; Giấy chứng nhận ĐK xe ô tô số 35 011645 do phòng CSGT công an tỉnh N cấp 26/04/2022 đứng tên bà Bùi Thị O. Hiện nay chiếc xe này do công ty cổ phần T1 đang quản lý. Hợp Đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 2211305.22 ngày 27/04/2022.

- Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không thu hồi đủ nợ thì ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho V1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ nợ.

- Khi ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O thi hành xong số tiền phải trả thì V1 có trách nhiệm trả lại giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải chịu số tiền án phí là 28.191.327 đồng (làm tròn 28.191.000 đồng).

- Trả lại tạm ứng án phí cho VIB số tiền là 12.029.000 đồng mà VIB đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Ninh Bình) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001527 ngày 21/03/2025.

Án xử sơ thẩm công khai, V1 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV3-Ninh Bình;
- Thi hành án T. Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thanh Nhàn